TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **368** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v: tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hữu Trọng**

Ông Phạm Tiến Lợi

- ***Thư ký phiên toà:*** **Bà Lê Thị Hường** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** **Bà Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐ-DSST ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982; HKTT: Xóm B, thôn TC, xã TH, huyện CM, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn CN, xã TH, huyện CM, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. ***Bị đơn:*** **Anh Lê Văn B**, sinh năm 1980; HKTT và nơi cư trú: Xóm B, thôn TC, xã TH, huyện CM, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng - nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn B kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2001 tại UBND xã TH, huyện CM, Tp. Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, có khi còn xung đột

nhưng chị T vẫn ở cùng anh B để nuôi dạy con cái. Đến tháng 4/2019 chị T mới về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị và anh B ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh B có 04 con chung gồm: Lê Thị Lan A, sinh ngày 12/10/2000; Lê Thị Phương A1, sinh ngày 27/01/2005; Lê Gia B1, sinh ngày 09/6/2012; Lê Văn L, sinh ngày 29/7/2015. Cháu Lan A và Phương A1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Chị T xin được nuôi 02 con là cháu B1 và L, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chỉ được nuôi 01 con chung thì chị T xin được nuôi cháu L.

Chị T đang làm nấu ăn, làm phông bạt, thu nhập 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện CM ngày 17/01/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T bỏ đi khoảng 5 - 6 năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B xác nhận, anh và chị T có 04 con chung gồm: Lê Thị Lan A, sinh ngày 12/10/2000; Lê Thị Phương A1, sinh ngày 27/01/2005; Lê Gia B1, sinh ngày 09/6/2012; Lê Văn L, sinh ngày 29/7/2015. Cháu Lan A và Phương A1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Cháu B1 và cháu L đang ở với anh B. Ly hôn anh B xin được nuôi cháu B, cháu L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh B đang làm trang trại, chăn nuôi, thu nhập đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh B. Về con chung: Chị T xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chỉ được nuôi 01 con chị xin nuôi cháu Lê Văn L. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn B. Về con chung: chị T được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Văn L, anh B được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Gia B1, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Lê Văn B. Anh B có HKTT và đang cư trú tại xóm B, thôn TC, xã TH, huyện CM, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn - anh Lê Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn B thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện CM, Tp. Hà Nội ngày 17/01/2001 là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn, anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T với anh B là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh B xác nhận có 04 con chung gồm: Lê Thị Lan A, sinh ngày 12/10/2000; Lê Thị Phương A1, sinh ngày 27/01/2005; Lê Gia B1, sinh ngày 09/6/2012; Lê Văn L, sinh ngày 29/7/2015. Cháu Lan A và Phương A1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Chị T và anh B đều xin được nuôi 02 con chung là cháu B1, cháu L. Cả hai cháu B1, cháu L đều trên 07 tuổi cùng có nguyện vọng ở với mẹ. Nếu để chị T và anh B nuôi cả hai con sẽ không đảm bảo cho các con có điều kiện phát triển tốt nhất. Xét thấy, chị T và anh B đều có việc làm, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dạy con. Trên cơ sở xem xét điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con chung cần giao chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Văn L, giao anh B được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Gia B1. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Chị T và anh B xác nhận có 04 con chung gồm: Lê Thị Lan A, sinh ngày 12/10/2000; Lê Thị Phương A1, sinh ngày 27/01/2005; Lê Gia B1 sinh ngày 09/6/2012; Lê Văn L, sinh ngày 29/7/2015.

Cháu Lan A và Phương A1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 29/7/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Lê Văn B được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Gia B1, sinh ngày 09/6/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có Quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076838 ngày 15/6/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Đương sự;
- UBND xã TH, huyện CM (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thế Lợi